

Bản án số: 120 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2026
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Nhu
2. Bà Phạm Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Kim A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, tỉnh Vĩnh Long.

Chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Kim A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/01/2006. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 12 năm 2023 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị và anh P hay cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh P, rạn nứt trầm trọng. Chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hàn gắn được với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 02/4/2007 và Trần Ngọc T2, sinh ngày 09/12/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là Trần Ngọc T2 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Trần Thị Ngọc T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh P vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn chưa chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Kim A đối với anh Trần Văn P. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 09/12/2011 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Đối với con chung là Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 02/4/2007 đã trưởng thành, không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung ghi nhận lời trình bày của chị A giữa chị và anh P không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Kim A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân

sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Kim A và anh Trần Văn P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/01/2006 trên cơ sở tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 12 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc theo lời trình bày của chị A là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn được với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị A và anh P mục đích cho anh chị có cơ hội đoàn tụ chung sống, tuy nhiên anh P không tham gia hòa giải, thể hiện việc anh P không có thiện chí đoàn tụ, muốn hàn gắn tình cảm với chị A. Mặt khác, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh P. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị A yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị A và anh P có 02 con chung là Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 02/4/2007 và Trần Ngọc T2, sinh ngày 09/12/2011. Từ khi chị A và anh P sống ly thân, con chung là Trần Ngọc T2 do chị A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, đồng thời cháu Ngọc T2 cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị A và anh P cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung. Để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị A, giao con chung là Trần Ngọc T2 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với con chung là Trần Thị Ngọc T1 là người thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Huỳnh Kim A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Kim A. Chị Huỳnh Kim A được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 09/12/2011 cho chị Huỳnh Kim A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con chung. Đối với con chung Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 02/4/2007 là người thành niên nên không xem xét việc nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Chị A trình bày không có.

4. Về nợ chung: Chị A trình bày không có.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Kim A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013380 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

